

Số: /BC-SGDĐT

Đắk Nông, ngày

BÁO CÁO**Đánh giá tình hình kinh tế-xã hội 5 năm giai đoạn 2016-2020
và xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội giai đoạn 2021-2025
lĩnh vực giáo dục và đào tạo**

Thực hiện Công văn số 500/SKH-THQH ngày 09/4/2020 của Sở Kế hoạch và Đầu tư về việc khung hướng dẫn và phân công thực hiện đánh giá tình hình kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020 và xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội giai đoạn 2021-2025 của tỉnh, Sở Giáo dục và Đào tạo báo cáo đánh giá tình hình kinh tế-xã hội 5 năm giai đoạn 2016-2020 và xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội giai đoạn 2021-2025 lĩnh vực giáo dục và đào tạo như sau:

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH CHUNG

Nghị quyết số 22/2015/NQ-HĐND ngày 10/12/2015 được xây dựng và triển khai thực hiện trong bối cảnh kinh tế, xã hội có nhiều thuận lợi. Cùng với đó là sự ra đời của Nghị quyết số 29-NQ/TW về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đã huy động sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, sự chia sẻ, ủng hộ của nhân dân cùng với tâm huyết, trách nhiệm của đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục các cấp vào sự phát triển giáo dục của địa phương. Qua 5 năm thực hiện, với sự lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt của cấp ủy, chính quyền các cấp, công tác xây dựng và phát triển giáo dục và đào tạo được quan tâm đầu tư; cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học ngày càng được tăng cường; công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên được quan tâm thường xuyên; chất lượng dạy và học ngày càng được nâng cao; công tác quản lý nhà nước về giáo dục, đào tạo từng bước được chấn chỉnh; chương trình mục tiêu về giáo dục và đào tạo thực hiện hiệu quả hơn, từ đó góp phần thúc đẩy sự phát triển về giáo dục và đào tạo tỉnh nhà.

Tuy nhiên, Đắk Nông là một tỉnh miền núi, biên giới, tình hình kinh tế, xã hội còn nhiều khó khăn, vì vậy, ngành Giáo dục cũng phải đối mặt với không ít trở ngại, thách thức: ngân sách đầu tư cho giáo dục còn hạn chế, cơ sở vật chất, trang thiết bị được đầu tư nhưng thiếu đồng bộ; chính sách cho giáo dục còn chậm được điều chỉnh; học vẫn còn nhiều chênh lệch giữa các vùng miền trong tỉnh; chế độ, chính sách đãi ngộ chưa thu hút được nguồn nhân lực chất lượng cao; các địa phương chưa thực sự quan tâm đến các điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục, đặc biệt là chất lượng giáo dục vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU KINH TẾ-XÃ HỘI GIAI ĐOẠN 2016-2020

Trong giai đoạn 2016-2020, ngành Giáo dục đã nghiêm túc thực hiện và cơ bản đạt các chỉ tiêu theo các chương trình, nghị quyết, kế hoạch của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh và UBND tỉnh.

Đặc biệt, ngành Giáo dục cơ bản đã hoàn thành các chỉ tiêu chủ yếu trong hệ thống chỉ tiêu kinh tế - xã hội giai đoạn 2016 - 2020 của tỉnh Đắk Nông. Cụ thể:

- Về công nhận mới trường đạt chuẩn quốc gia: Giai đoạn 2016-2020, ngành Giáo dục đã công nhận mới được 62 trường đạt chuẩn quốc gia, bình quân mỗi năm công nhận được 12,4 trường (vượt 51,2% so với chỉ tiêu Nghị quyết đề ra)¹.

- Về tỷ lệ dân số trong độ tuổi học Trung học phổ thông đi học: Giai đoạn 2016-2020, đến nay, ngành đã hoàn thành mục tiêu về tỷ lệ dân số trong độ tuổi Trung học phổ thông đi học đạt 69%. Ước đến hết năm 2020 sẽ đạt 70,14% (vượt 0,14% so với chỉ tiêu Nghị quyết đề ra).

III. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ TẠI NGHỊ QUYẾT SỐ 22/NQ-HNĐND NGÀY 10/12/2015 CỦA HĐND TỈNH VỀ KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ-XÃ HỘI GIAI ĐOẠN 2016-2020 VÀ CÁC NGHỊ QUYẾT PHÁT TRIỂN KINH TẾ HÀNG NĂM

1. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ tại Nghị quyết số 22/NQ-HNĐND

1.1. Triển khai thực hiện đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo theo Đề án của Trung ương, phát triển các cơ sở đào tạo ở các cấp. Duy trì kết quả và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi và phổ cập giáo dục trung học cơ sở. Phát triển đồng bộ hệ thống giáo dục và đào tạo theo hướng tăng cường đầu tư cơ sở vật chất đi đôi với nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục, thực hiện giáo dục toàn diện, nâng cao chất lượng dạy và học. Đảm bảo đầy đủ số lượng cán bộ quản lý, giáo viên theo tiêu chuẩn ở các cấp học, ngành học:

- Với vai trò là cơ quan tham mưu phát triển giáo dục, đào tạo tại địa phương, trên cơ sở đánh giá rất cao vai trò của Nghị quyết số 29-NQ/TW, ngành Giáo dục đã chủ động, tích cực tham mưu Tỉnh ủy ban hành Chương trình hành động số 32/CTr-TU ngày 19/11/2014, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 03/KH-UBND ngày 05/01/2015, Kế hoạch số 588/KH-UBND ngày 27/11/2019 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế². Bám sát từ thực tiễn giáo dục của tỉnh, căn cứ các chương trình, kế hoạch trên, ngành Giáo dục đã ban hành Kế hoạch số 89/KH-SGDĐT ngày 19/01/2015, Kế hoạch số 11/KH-SGDĐT ngày 10/02/2020 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo để triển khai thực hiện trong toàn ngành. Triển khai thực hiện các chương trình, kế hoạch về đổi mới giáo dục và đào tạo của Trung ương, địa phương, ngành cũng đã tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành rất nhiều

¹ Số liệu tính đến tháng 4/2020.

² Theo tinh thần của Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”.

ng nghị quyết nhằm rà soát, bổ sung cơ chế, chính sách của địa phương để thực hiện đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo.

- Trong giai đoạn này, mạng lưới giáo dục tỉnh Đắk Nông phát triển mạnh và bố trí tương đối hợp lý theo tinh thần Nghị quyết số 35/2014/NQ-HĐND tỉnh ngày 18/12/2014³, cụ thể: từ 375 cơ sở giáo dục (năm học 2015-2016) đã tăng lên 398 cơ sở giáo dục⁴ (năm học 2017-2018)⁵. Đồng thời, ngành đã có chủ trương phát triển mạng lưới giáo dục rộng khắp, đầy đủ ở hầu hết các bậc học, ưu tiên phát triển ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và từng bước củng cố, nâng cao chất lượng hệ thống trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú để đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực và nguồn nhân lực chất lượng cao của địa phương. Cùng với đó, hệ thống giáo dục ngoài công lập bước đầu phát triển ở các cấp học, đặc biệt là giáo dục mầm non (nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập tự thực). Đa số các trường mầm non ngoài công lập được đầu tư về cơ sở vật chất, trang thiết bị, đội ngũ giáo viên đảm bảo thực hiện công tác chăm sóc giáo dục trẻ. Hệ thống giáo dục thường xuyên đã tạo điều kiện thuận lợi cho người dân tham gia học tập. Hiện nay, toàn tỉnh có 71/71 xã có Trung tâm học tập cộng đồng, các Trung tâm học tập cộng đồng cơ bản đáp ứng nhu cầu học tập thường xuyên, học tập suốt đời của nhân dân. Ngành tiếp tục thực hiện Chương trình số 13-CTr/TU, ngày 26/04/2012 của Tỉnh ủy thực hiện Chỉ thị số 10-CT/TW, ngày 05/12/2011 của Bộ Chính trị về Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, củng cố kết quả phổ cập giáo dục tiểu học và trung học cơ sở, tăng cường phân luồng học sinh sau trung học cơ sở và xóa mù chữ cho người lớn. Qua đó, mục tiêu phổ cập được duy trì, chất lượng phổ cập được nâng cao, hiện tỉnh Đắk Nông đã được công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 2 và đạt chuẩn phổ cập THCS mức độ 1⁶.

- 5 năm qua, ngành đã chú trọng phát triển đồng bộ hệ thống giáo dục và đào tạo theo hướng tăng cường đầu tư cơ sở vật chất đi đôi với nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục, thực hiện giáo dục toàn diện, nâng cao chất lượng dạy và học. Hàng năm, ngành Giáo dục đã tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo rà soát, kiện toàn, ổn định tổ chức bộ máy ở các cơ sở giáo dục; sắp xếp, tuyển dụng, sử dụng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý một cách hợp lý đảm bảo đúng vị trí việc làm theo quy định nhằm đáp ứng nhu cầu tăng quy mô, nâng cao chất lượng

³ Hiện, toàn tỉnh có 375 cơ sở giáo dục, với 174.725 học sinh (*tăng 19.586 học sinh so với năm học 2015-2016*). Cụ thể: Giáo dục mầm non có 123 trường gồm 92 trường công lập, 31 trường ngoài công lập, với 38.102 trẻ. Cấp tiểu học có 131 trường gồm 132 trường công lập, 01 trường ngoài công lập, với 71.428 học sinh. Cấp THCS có 80 trường gồm 78 trường công lập, 02 trường ngoài công lập với 44.598 học sinh. Cấp THPT có 32 trường gồm 31 trường công lập, 01 trường ngoài công lập với 19.653 học sinh. Giáo dục thường xuyên có 01 Trung tâm GDTX - Ngoại ngữ, Tin học tỉnh, 07 Trung tâm GDNN-GDTX huyện, với 911 học viên cấp THPT. Tỉnh có 01 Trung tâm Hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập tỉnh với 33 học sinh.

⁴ Tăng 23 cơ sở giáo dục.

⁵ Tuy nhiên, hiện nay do thực hiện chủ trương theo Nghị quyết số 19 của Ban chấp hành Trung ương nên mạng lưới cơ sở giáo dục được sắp xếp lại còn 375 cơ sở giáo dục.

⁶ Hiện có 71/71 xã và 8/8 huyện đạt chuẩn PCGDTH (33 xã mức độ 2, 38 xã mức độ 3; 7 huyện mức độ 2, 1 huyện mức độ 3); 71/71 xã, 8/8 huyện đạt chuẩn PCGDTHCS (5 xã mức độ 1, 54 xã mức độ 2, 12 xã mức độ 3; 7 huyện mức độ 1, 1 huyện mức độ 2).

và đổi mới giáo dục⁷. Hiện, toàn tỉnh có 11.086 cán bộ quản lý giáo dục, giáo viên và nhân viên (tăng 226 người so với năm học 2015-2016)⁸.

Việc đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục được đặc biệt quan tâm, chú trọng. Ngành đã tham mưu UBND tỉnh tổ chức nhiều lớp đào tạo, bồi dưỡng về trình độ lý luận chính trị, chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục. Tính đến thời điểm hiện tại, đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục đạt chuẩn và trên chuẩn khá cao⁹, cơ bản đã đáp ứng được yêu cầu về số lượng, chất lượng, chuẩn bị khá tốt cho việc đổi mới giáo dục trong thời gian tới.

1.2. Nâng cao năng lực sử dụng tiếng Anh và tin học cho học sinh phổ thông và chuyên nghiệp. Đổi mới phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, chuyển trọng tâm đánh giá nội dung học tập sang đánh giá phẩm chất và năng lực người học. Chỉ đạo và tổ chức các kỳ thi quốc gia và cấp tỉnh an toàn, nghiêm túc, khách quan.

- Việc nâng cao năng lực sử dụng tiếng Anh và tin học ở các cấp học và trình độ đào tạo được ngành Giáo dục xác định là một trong những nhiệm vụ quan trọng để thực hiện mạnh mẽ đổi mới giáo dục và đào tạo, tạo điều kiện thuận lợi để thúc đẩy địa phương hội nhập quốc tế. Trong điều kiện kinh tế của tỉnh còn nhiều khó khăn, việc nâng cao năng lực sử dụng tiếng Anh và tin học cho học sinh phổ thông là một thách thức lớn. Thực hiện Quyết định 2080/QĐ-TTg ngày 22/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt bổ sung Đề án dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2017-2025, ngành đã tham mưu UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 631/KH-UBND ngày 29/11/2018 để triển khai thực hiện. Đội ngũ giáo viên dạy học ngoại ngữ cơ bản đảm bảo năng lực, trình độ, phần lớn đã đạt chuẩn đào tạo theo quy định. Đến nay, toàn tỉnh có 131/131 trường tiểu học triển khai giảng dạy tiếng Anh (trong đó có 101 trường thực hiện chương trình tiếng Anh 10 năm, 30 trường triển khai song song 2 chương trình tiếng Anh 10 năm và tiếng Anh tự chọn)¹⁰. Đối với THCS và THPT, chương trình tiếng Anh 10 năm bắt đầu được triển khai song song với chương trình tiếng Anh hệ 7 năm từ năm học 2014-2015 theo quy mô mở rộng dần qua từng năm học. Hiện, cấp THCS có 02 trường thực hiện chương trình tiếng Anh 10 năm, 37 trường thực hiện song song 2 chương trình tiếng Anh 10 năm và 7 năm; các trường còn lại giảng dạy theo chương trình tiếng Anh 7 năm¹¹. Cấp THPT có 8/32 trường triển khai song song 2

⁷ Hiện nay, tỷ lệ giáo viên/lớp đảm bảo cho hoạt động dạy học, cụ thể: mầm non đạt 1,5 giáo viên/lớp; tiểu học đạt 1,4 giáo viên/lớp; THCS là 1,94 giáo viên/lớp; THPT là 2,33 giáo viên/lớp.

⁸ Trong đó, mầm non có 2.825 người (274 CBQL, 2.069 giáo viên, 482 nhân viên); Tiểu học có 3.943 người (283 CBQL, 3.197 giáo viên, 463 nhân viên); THCS có 2.685 người (168 CBQL, 2.225 giáo viên, 292 nhân viên); THPT có 1.633 người (101 CBQL, 1.271 giáo viên, 261 nhân viên).

⁹ Đến nay, tỷ lệ giáo viên chuẩn và trên chuẩn đều đã đạt, thậm chí vượt kế hoạch, tỷ lệ giáo viên và CBQL đạt chuẩn 100% (trong đó tỷ lệ trên chuẩn: MN:55,2%, TH: 92%, THCS: 70,11%, THPT: 6,8%).

¹⁰ Có 34.817/38.332 học sinh tham gia học tiếng Anh ở lớp 3,4,5 chiếm tỷ lệ 90,8%, trong đó số học sinh tham gia học chương trình tiếng Anh 10 năm lớp 3,4,5 cấp tiểu học với thời lượng đủ 4 tiết/tuần là 12.636/38.332 em, đạt tỷ lệ 33%.

¹¹ 100% học sinh tham gia học tiếng Anh, số học sinh học tiếng Anh chương trình 10 năm cấp THCS là 8.960/42.209 em, đạt tỷ lệ 21,2%.

chương trình tiếng Anh 10 năm và 7 năm; 24 trường giảng dạy theo chương trình tiếng Anh 7 năm¹².

- Trong những năm qua, hạ tầng công nghệ thông tin trong các cơ sở giáo dục được tăng cường đầu tư, xây dựng¹³, đây là tiền đề quan trọng góp phần nâng cao chất lượng dạy học môn Tin học. Việc triển khai Quyết định số 687/QĐ-UBND ngày 25/4/2017 về kế hoạch triển khai Đề án tăng cường ứng dụng CNTT trong quản lý và hỗ trợ các hoạt động dạy-học, nghiên cứu khoa học được thực hiện nghiêm túc.

- Xuất phát từ chủ trương đổi mới giáo dục đào tạo phải bắt nguồn từ khâu đổi mới hình thức, phương pháp thi, kiểm tra, đánh giá, ngành đã triển khai thực hiện nghiêm các quy định, hướng dẫn của Bộ GDĐT¹⁴, chỉ đạo việc đổi mới công tác kiểm tra, đánh giá. Thực hiện đánh giá học sinh ngay trong quá trình học, theo dõi kết quả từng giai đoạn để kịp thời điều chỉnh, đáp ứng được yêu cầu phát triển năng lực và phẩm chất của học sinh.

- Ngành Giáo dục đã thực hiện đổi mới phương án tuyển sinh đầu cấp, đổi mới phương thức thi và công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông theo hướng giảm áp lực và tốn kém cho xã hội. Trên cơ sở đổi mới kỳ thi THPT quốc gia tại địa phương, ngành tiếp tục xây dựng kế hoạch thực hiện chỉ đạo của Bộ GDĐT theo phương án tổ chức kỳ thi ngày càng nhẹ nhàng, hiệu quả hơn, đảm bảo tính công bằng và độ tin cậy cao. Nhiều năm qua, công tác tổ chức kỳ thi THPT quốc ở tỉnh Đắk Nông đều diễn ra an toàn, nghiêm túc và đúng quy chế.

1.3. Củng cố và tăng cường đầu tư xây dựng cơ sở vật chất và trang thiết bị trường học. Xây dựng quy định về trường học an toàn, đảm bảo an ninh, trật tự, phòng chống tội phạm, bạo lực và tệ nạn xã hội. Đẩy mạnh công tác giám sát việc thực hiện công khai đối với các cơ sở giáo dục, giám sát chặt, quản lý thu chi và xử lý nghiêm các vi phạm.

- Công tác xây dựng cơ sở vật chất đã được các địa phương quan tâm đầu tư đảm bảo đủ nguồn lực tài chính và phương tiện dạy học tối thiểu của tất cả các cơ sở giáo dục; trong đó ưu tiên đầu tư xây dựng trường dân tộc nội trú, bán trú; ưu tiên đầu tư cho cấp mầm non, tiểu học và bảo đảm thiết bị tối thiểu theo lộ trình đổi mới chương trình, sách giáo khoa. Qua việc triển khai thực hiện Đề án kiên cố hóa trường lớp học, nhà công vụ giáo viên các trường học mầm non, phổ thông công lập ở tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2014-2016¹⁵, ngành đã tham mưu UBND tỉnh tăng cường cơ sở vật chất, xóa bỏ các phòng học xuống cấp, phòng học tạm, mượn, ưu tiên cho việc duy trì phổ cập giáo dục mầm non 5 tuổi, tiểu học, trung học cơ sở, xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia và mua sắm trang thiết bị dạy học. Đầu tư cải tạo, xây dựng, ưu tiên khắc phục việc thiếu nhà vệ sinh, công trình nước sạch ở các cơ sở giáo dục. Chú trọng đầu tư, xây dựng phòng thí nghiệm, phòng

¹² Số học sinh tham gia học chương trình tiếng Anh 10 năm cấp THPT là 1.354/18.18.724 em đạt tỷ lệ 7,2%.

¹³Toàn ngành hiện có 5.551 máy tính được kết nối internet phục vụ công tác quản lý và dạy học

¹⁴Thông tư số 30/2014/TT-BGDĐT ngày 28/8/2014 và Thông tư số 22/2016/TT-BGDĐT ngày 22/9/2016 về sửa đổi bổ sung một số điều Thông tư số 30/2014/TT-BGDĐT về quy định đánh giá học sinh tiểu học, Thông tư số 58/2011/TT-BGDĐT ngày 12/12/2011 Quy định đánh giá học sinh Trung học.

¹⁵Nghị quyết số 34/2013/NQ-HĐND ngày 19/12/2013 của HĐND tỉnh.

thực hành, thư viện, phòng tin học, trang thiết bị công nghệ thông tin để nâng cao chất lượng dạy học. Đẩy mạnh đầu tư xây dựng nhà công vụ cho giáo viên, ưu tiên ở các vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn.

- Để triển khai xây dựng quy định về trường học an toàn, đảm bảo an ninh, trật tự, phòng chống tội phạm, bạo lực và tệ nạn xã hội, ngành đã tham mưu Tỉnh ủy ban hành Đề án số 06-ĐA/TU ngày 7/8/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về xây dựng môi trường văn hóa trong trường học. Đồng thời, phối hợp cùng với Công an tỉnh tỉnh xây dựng Quy chế số 01/QCPH-CAT-SGDĐT ngày 09/3/2016 thực hiện Thông tư liên tịch số 06/2015/TTLT-BCA-BGDĐT ngày 28/8/2015 của liên Bộ Công an - Bộ GDĐT hướng dẫn phối hợp thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, đấu tranh phòng, chống tội phạm, vi phạm pháp luật khác trong ngành Giáo dục; phối hợp xây dựng Kế hoạch số 46/KH-SGDĐT-CAT ngày 02/4/2018 về phối hợp khảo sát, đánh giá thực trạng bạo lực học đường và vi phạm pháp luật ở các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Đắk Nông. Chỉ đạo các đơn vị tăng cường phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan, đặc biệt công an xã, phường theo dõi, xử lý các vấn đề về an ninh, chính trị liên quan đến học sinh. Làm tốt công tác quản lý học sinh, đảm bảo an ninh trật tự trường học, phòng chống tội phạm, bạo lực học đường, ngăn chặn tệ nạn xã hội xâm nhập vào trường học.

- Hoạt động thanh tra giáo dục những năm gần đây cũng được đổi mới mạnh mẽ theo hướng chuyển từ thanh tra chuyên môn sang thanh tra hành chính, tạo sự chuyển biến tích cực, kịp thời xử lý, chấn chỉnh những vi phạm, góp phần vào công cuộc đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục, đào tạo. Triển khai thực hiện và hoàn thiện hệ thống kiểm định chất lượng giáo dục, thực hiện công khai, minh bạch chất lượng giáo dục của các cơ sở giáo dục. Đẩy mạnh công tác giám sát việc thực hiện công khai đối với các cơ sở giáo dục, giám sát chặt, quản lý thu chi và xử lý nghiêm các vi phạm. Ngoài việc tham mưu ban hành và ban hành các văn bản hướng dẫn, chấn chỉnh việc thu, chi các khoản (ngoài ngân sách) đối với các cơ sở giáo dục, Sở đã xây dựng kế hoạch và tổ chức thanh tra, kiểm tra việc thu, chi các khoản trong năm học đối với các cơ sở giáo dục, trong đó tập trung vào các nội dung: Tổ chức dạy thêm, học thêm; thu chi đầu năm; tiền gửi trẻ thêm giờ trong nhà trường đối với các trường học đã tổ chức dạy học 2 buổi/ngày; thực hiện các quy định đảm bảo an toàn trường học và các vấn đề bức xúc mà xã hội quan tâm. Nhờ vậy, các sai phạm trong quản lý giáo dục thời gian gần đây đã dần được khắc phục và đi vào nề nếp, cơ bản tạo sự đồng thuận trong phụ huynh, học sinh và nhân dân.

1.4. Đẩy mạnh công tác xã hội hoá giáo dục. Có đề án hỗ trợ nâng cao tỉ lệ học sinh là con em dân tộc thiểu số, vùng sâu vùng xa theo học ở các cấp học cao hơn. Đảm bảo không có trẻ em nào không được đến trường vì hoàn cảnh gia đình khó khăn.

- Đề tăng cường các nguồn lực đầu tư cho giáo dục¹⁶, ngành luôn đẩy mạnh công tác xã hội hóa, tăng cường công tác quản lý nhà nước, kiểm tra, giám sát trong hoạt động xã hội hóa. Tổ chức quán triệt, tuyên truyền, triển khai các chính sách khuyến khích xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục. Thực hiện các cơ chế, chính sách đảm bảo bình đẳng và tạo môi trường cạnh tranh công bằng, minh bạch giữa cơ sở giáo dục công lập và tư thục nhằm tạo hấp dẫn và thúc đẩy công tác huy động, tạo lập môi trường đầu tư, sự liên kết, hợp tác giữa các địa phương trong việc huy động nhằm tiết kiệm và nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn lực huy động. Áp dụng các quy định chính sách khuyến khích, hỗ trợ đầu tư vào lĩnh vực giáo dục và vào tỉnh¹⁷. Công tác xã hội hóa giáo dục được thực hiện theo lộ trình của Đề án Xã hội hóa¹⁸. Việc huy động các nguồn lực xã hội hóa giáo dục để phát triển giáo dục trên địa bàn tỉnh được triển khai thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư số 29/2012/TT-BGDĐT ngày 10/9/2012 của Bộ GDĐT. Những năm gần đây, cùng với nguồn vốn ngân sách nhà nước để đầu tư cơ sở vật chất phục vụ dạy và học thì nhân dân và các nguồn lực xã hội khác tích cực đóng góp kinh phí cho sự nghiệp phát triển giáo dục. Vì vậy, cơ sở vật chất trường học ngày càng được tăng cường đồng bộ theo hướng kiên cố hoá.

- Đắk Nông là một tỉnh miền núi, tỉ lệ học sinh là người đồng bào dân tộc thiểu số chiếm khá cao. Vì vậy, ngành đã tích cực, chủ động tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo tập trung các nguồn lực đầu tư phát triển giáo dục các vùng khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, đề ra những giải pháp giảm chênh lệch về phát triển giáo dục giữa các vùng. Ngành đã tham mưu UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 354/KH-UBND ngày 11/7/2018 về Kế hoạch khắc phục những tồn tại, hạn chế được nêu tại Báo cáo số 390-BC/TU ngày 08/3/2018 về kiểm điểm của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ năm 2017; Kế hoạch số 285/KH-UBND ngày 04/6/2019 về Kế hoạch nâng cao chất lượng học sinh dân tộc thiểu số và học sinh vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Trước tình trạng học sinh bỏ học ngày càng nhiều, đặc biệt là ở các vùng kinh tế khó khăn, vùng dân tộc thiểu số, ngành đã tham mưu UBND tỉnh ban hành Chỉ thị số 03/CT-UBND ngày 15/7/2017 về tăng cường công tác huy động học sinh đến trường và hạn chế tình trạng học sinh bỏ học trên địa bàn tỉnh Đắk Nông và Kế hoạch số 104/KH-UBND ngày 04/3/2020 về Kế hoạch khắc phục tình trạng học sinh dân tộc thiểu số cấp THCS bỏ học trên địa bàn tỉnh trên tinh thần coi việc giảm tỉ lệ học sinh bỏ học là nhiệm vụ của cả hệ thống chính trị chứ không chỉ là nhiệm vụ của riêng ngành Giáo dục. Đồng thời, ngành đã chỉ đạo các địa phương và cơ sở giáo dục thực hiện kế hoạch triển khai Đề án “tăng cường tiếng Việt cho trẻ em mầm non, học sinh tiểu học vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2016-2020, định hướng đến 2025” trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

¹⁶ Triển khai thực hiện Nghị quyết số 55/NQ/2016/NQ-HĐND ngày 22/12/2016 về việc khuyến khích, hỗ trợ đầu tư vào tỉnh Đắk Nông đến năm 2020.

¹⁷ Theo Nghị quyết số 06/2018/NQ-HĐND ngày 02/8/2018 của HĐND tỉnh, Quyết định số 750/QĐ-UBND ngày 18/5/2018 về việc quy định trình tự thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa liên thông đối với các dự án sử dụng vốn ngoài ngân sách do UBND tỉnh quyết định chủ trương đầu tư gắn với thẩm định nhu cầu sử dụng đất, điều kiện giao đất, cho thuê đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất.

¹⁸ Theo Nghị quyết số 29/2006/NQ-HĐND ngày 25/12/2006 của HĐND tỉnh và Quyết định số 06/2007/QĐ-UBND ngày 02/3/2007 của UBND tỉnh.

- Ngành luôn quan tâm đào tạo cán bộ, giáo viên và thực hiện tốt các chính sách ưu tiên, hỗ trợ cho học sinh dân tộc thiểu số¹⁹. Về cơ bản, hệ thống chính sách phát triển giáo dục đối với vùng đặc biệt khó khăn, vùng dân tộc thiểu số, gia đình chính sách đã được ngành tham mưu ban hành khá đầy đủ, bao gồm chính sách học bổng; miễn giảm học phí; trợ cấp xã hội, hỗ trợ học tập; chính sách ưu tiên tuyển sinh vào đại học, cao đẳng, phụ cấp ưu đãi, phụ cấp thu hút, phụ cấp thâm niên vượt khung, trợ cấp chuyên vùng, trợ cấp học tập, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ. Các chính sách đã thực sự đi vào cuộc sống và có ý nghĩa xã hội to lớn, góp phần quan trọng trong việc nâng cao dân trí, đào tạo nguồn nhân lực cho vùng đặc biệt khó khăn, vùng dân tộc thiểu số.

2.Kết quả thực hiện các nhiệm vụ theo các nghị quyết hằng năm

2.1. Nâng cao chất lượng công tác xây dựng trường chuẩn gắn với xây dựng nông thôn mới và phù hợp với các quy định mới của Trung ương(*Nghị quyết số 45/NQ-HĐND ngày 15/12/2016 của HĐND tỉnh về Kế hoạch phát triển KTXH năm 2017*)

Để nâng cao chất lượng công tác xây dựng trường chuẩn gắn với xây dựng nông thôn mới, ngành đã tham mưu UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 886/QĐ-UBND ngày 30/6/2017 về Quyết định ban hành Kế hoạch xây dựng trường học trên địa bàn tỉnh Đắk Nông đạt chuẩn quốc gia đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030, đồng thời, chỉ đạo, hướng dẫn các địa phương ưu tiên thực hiện đồng bộ các giải pháp xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia ở các xã phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới. Làm tốt công tác tuyên truyền, chỉ đạo các cơ sở giáo dục xây dựng lộ trình phấn đấu và có biện pháp cụ thể để xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia. Phối hợp chặt chẽ với các sở, ngành liên quan trong việc phân bổ ngân sách hàng năm, xây dựng kế hoạch đầu tư tập trung cho công tác xây dựng trường chuẩn. Đến nay, công tác xây dựng trường chuẩn quốc gia trên địa bàn tỉnh đã đạt được những kết quả tích cực. Hiện, toàn tỉnh có 151 trường đạt chuẩn quốc gia (đạt 43,39% số trường công lập của tỉnh)²⁰. Trong giai đoạn 2016-2020, có 62 trường được công nhận mới, bình quân mỗi năm công nhận được 12,4 trường (vượt 51,2% so với chỉ tiêu Nghị quyết đề ra)²¹.

2.2. Việc thực hiện các chế độ chính sách hỗ trợ học sinh, giáo viên của Trung ương, địa phương (*Nghị quyết số 45/NQ-HĐND ngày 15/12/2016 của HĐND tỉnh về Kế hoạch phát triển KTXH năm 2017*)

- Nhiều năm qua, nhờ thực hiện đầy đủ, kịp thời các chế độ chính sách của Trung ương và địa phương trong việc hỗ trợ học sinh, giáo viên, nhìn chung, các chính sách đã giúp địa phương, giáo viên, học sinh và người dân được hưởng các chính sách bớt đi một phần gánh nặng về tài chính cho việc học tập của con em mình, là một trong những biện pháp giúp giảm tỷ lệ học sinh bỏ học, nâng cao chất lượng giáo dục, góp phần thực hiện mục tiêu xóa đói, giảm nghèo bền vững của

¹⁹ Với những cơ chế, chính sách đã nêu trong báo cáo.

²⁰ Tăng 59 trường so với năm học 2015-2016.

²¹ Số liệu tính đến tháng 4/2020.

tình. Đối với giáo viên, việc thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách đã góp phần tạo sự yên tâm công tác, là động lực để đội ngũ nhà giáo cống hiến cho sự nghiệp giáo dục của tỉnh nhà.

- Về cơ bản, các chính sách hỗ trợ dành cho học sinh, đặc biệt là học sinh dân tộc thiểu số, học sinh vùng dân tộc và miền núi; chính sách cho cán bộ quản lý giáo dục, giáo viên, nhân viên công tác tại vùng dân tộc thiểu số, các trường dân tộc nội trú, dân tộc bán trú đã được tỉnh Đắk Nông thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định của Trung ương và địa phương²². Ngoài ra, một số huyện (Krông Nô, Đắk R'lấp, Đắk Glong) đã có chính sách cấp đất hoặc bán đất theo giá hỗ trợ tạo điều kiện để cán bộ, giáo viên an tâm công tác. Nhiều trường học cũng đã có quỹ đất cho giáo viên làm nhà để ổn định cuộc sống. Tuy nhiên, chế độ cho các nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục ổn định cuộc sống lâu dài ở lại tiếp tục công tác tại vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số chưa được quan tâm đúng mức.

2.3. Thực hiện các Đề án theo Kế hoạch số 386/KH-UBND ngày 24/7/2018 của UBND tỉnh về sắp xếp lại, nâng cao hiệu quả hoạt động các đơn vị sự nghiệp công lập, ngành giáo dục (*Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 14/12/2018 của HĐND tỉnh về Kế hoạch phát triển KTXH năm 2019*)

Thực hiện Kế hoạch số 386/KH-UBND ngày 24/7/2018 của UBND tỉnh về sắp xếp lại, nâng cao hiệu quả hoạt động các đơn vị sự nghiệp công lập, ngành giáo dục đã tham mưu UBND tỉnh ban hành Đề án sắp xếp, tổ chức lại các trường phổ thông công lập nhiều cấp học trên địa bàn tỉnh Đắk Nông, giai đoạn 2019 - 2021²³; Đề án sắp xếp, điều chỉnh lại quy mô điểm trường, lớp học các trường mầm non, phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh Đắk Nông²⁴ và một số Đề án khác²⁵. Quy mô

²²Về chính sách đầu tư, hỗ trợ phát triển giáo dục vùng DTTS và miền núi theo Quyết định số 775/QĐ-TTg ngày 27/6/2018 của Thủ tướng Chính phủ; Thực hiện chính sách hỗ trợ ăn trưa đối với trẻ em mẫu giáo và chính sách đối với giáo viên mầm non theo Quyết định số 06/2018/NĐ-CP; Thực hiện chế độ đối với học sinh các trường dân tộc nội trú theo Thông tư liên tịch số 109/TTLT/BTC/BGDĐT ngày 29/5/2009; Thực hiện chế độ, chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn, trường phổ thông dân tộc bán trú theo Nghị định 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016; Thực hiện chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015-2016 đến năm học 2020-2021; Nghị định 134/2006/NĐ-CP ngày 14/11/2006 quy định chế độ cử tuyển vào các cơ sở giáo dục trình độ đại học, cao đẳng, trung cấp trong hệ thống giáo dục quốc dân. Nghị định số 49/2015/NĐ-CP ngày 15/5/2015; Nghị định số 19/2013/NĐ-CP ngày 23/2/2013 của Thủ tướng Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 61/2006/NĐ-CP về chính sách đối với nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục công tác ở trường chuyên biệt, ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; Nghị định 116/2010/NĐ-CP về chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức và người hưởng lương trong lực lượng vũ trang công tác ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; Chính sách dạy và học tiếng nói, chữ viết DTTS theo Nghị định số 82/2010/NĐ-CP ngày 15/7/2010 của Chính phủ; Tỉnh Đắk Nông không có nội dung thực hiện theo Nghị định số 82/2010/NĐ-CP; Nghị quyết số 18/2013/NQ-HĐND ngày 19/7/2013 về việc quy định chính sách ưu tiên, chế độ ưu đãi đối với cán bộ quản lý, giáo viên, học sinh trường trung học phổ thông chuyên và đối với học sinh đạt giải, giáo viên dạy bồi dưỡng học sinh đạt giải tại các trường phổ thông của tỉnh; Nghị quyết số 31/2016/NQ-HĐND ngày 06/9/2016 về ban hành chính sách hỗ trợ học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo tỉnh Đắk Nông từ năm học 2016-2017 đến năm học 2020-2021; Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐND ngày 26/7/2017 về việc Quy định khoảng cách và địa bàn làm căn cứ xác định học sinh không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày; tỷ lệ khoán kinh phí phục vụ nấu ăn cho học sinh ở các trường học trên địa bàn tỉnh Đắk Nông theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ.

²³ Quyết định số 1345/QĐ-UBND ngày 16/8/2019, Quyết định số 1718/QĐ-UBND ngày 16/10/2019 về việc điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 1345/QĐ-UBND.

²⁴ Quyết định số 1331/QĐ-UBND ngày 15/8/2019.

trường, lớp học được bố trí lại phù hợp hơn so với quy hoạch và điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Các địa phương đã triển khai thực hiện sắp xếp, tổ chức lại các trường phổ thông công lập nhiều cấp học trên địa bàn theo Quyết định số 1345/QĐ-UBND. Quản lý, sử dụng biên chế trong quỹ biên chế được giao, đảm bảo trình độ chuyên môn, phẩm chất, năng lực đội ngũ cán bộ đối với từng vị trí việc làm, bước đầu thực hiện điều chuyển cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đến các trường còn thiếu biên chế theo định mức; tạo điều kiện cho nhân viên tham gia đào tạo văn bằng 2 để bố trí lại việc làm trong bối cảnh tinh giản biên chế. Chấp hành nghiêm việc thực hiện sử dụng, bố trí, quản lý số biên chế sự nghiệp và số hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP được giao của các cơ quan có thẩm quyền²⁶.

2.4. Công tác chuẩn bị các điều kiện cần thiết để triển khai có hiệu quả chương trình giáo dục phổ thông mới, nhất là cơ sở vật chất và đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên (*Nghị quyết số 43/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 của HĐND tỉnh về Kế hoạch phát triển KTXH năm 2020*)

- Đối với việc đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học, Sở GDĐT đã tập trung các nguồn lực, tăng cường huy động các nguồn vốn đầu tư cho phát triển sự nghiệp giáo dục, trong đó trước mắt ưu tiên đầu tư các hạng mục trực tiếp đến việc điều chỉnh mạng lưới trường, lớp. Huy động lồng ghép các chương trình, dự án, đề án, các nguồn vốn: ngân sách Trung ương, ngân sách tỉnh, huyện, xã, nguồn xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo, các nguồn tài trợ, huy động xã hội hóa, lồng ghép các chương trình dự án khác để đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị, điện nước, vệ sinh môi trường đối với các trường học một cách đồng bộ. Ưu tiên cho các trường học thực hiện sắp xếp điểm trường, các trường có nhiều học sinh bán trú. Tranh thủ tối đa nguồn lực xã hội hóa, tăng cường quản lý và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực đầu tư. Đầu tư xây dựng các hạng mục đảm bảo các hoạt động của nhà trường. Ưu tiên, tập trung nguồn lực để thực hiện xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia, bố trí vốn đầu tư thực hiện Đề án theo lộ trình.

- Đối với việc chuẩn bị đội ngũ CBQL, giáo viên thực hiện Chương trình Giáo dục phổ thông mới, trên cơ sở rà soát, đánh giá thực trạng, xác định nhu cầu giáo viên ở từng môn học, cấp học, Ngành giáo dục có các giải pháp sắp xếp lại, bố trí hợp lý đội ngũ giáo viên giữa các môn học, giữa các bậc học, giữa các trường theo vị trí việc làm, điều động giáo viên từ các trường thừa giáo viên cục bộ đến các trường thiếu giáo viên, hoặc biệt phái có thời hạn nhằm hạn chế tối đa việc dôi dư, chuyển đổi vị trí việc làm đối với nhân viên của bậc tiểu học, THCS có bằng trung cấp sư phạm sang giáo viên mầm non. Trong năm 2019, Sở Giáo dục và Đào

²⁵ Quyết định số 41/QĐ-UBND ngày 09/01/2019 về việc giải thể Trung tâm Giáo dục học sinh dân tộc. Quyết định số 696/QĐ-UBND ngày 14/5/2019 về thành lập Trung tâm Giáo dục thường xuyên - Ngoại ngữ, tin học tỉnh Đắk Nông trên cơ sở sáp nhập Trung tâm Giáo dục thường xuyên tỉnh Đắk Nông và Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học tỉnh Đắk Nông; Quyết định số 1331/QĐ-UBND ngày 15 tháng 8 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông về ban hành Đề án sắp xếp, điều chỉnh lại quy mô điểm trường, lớp học các trường mầm non, phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh Đắk Nông; Quyết định số 1369/QĐ-UBND ngày 19/8/2019 về sáp nhập trường THPT Đào Duy Từ vào trường THPT Phan Chu Trinh.

²⁶ Báo cáo số 97/BC-SGDĐT ngày 16/3/2020 về báo cáo kết quả thực hiện sắp xếp, tổ chức lại các cơ sở giáo dục phổ thông và điều chỉnh lại quy mô điểm trường, lớp học trong năm học 2019 - 2020

tạo, UBND các huyện, thành phố tiếp tục lập kế hoạch tuyển dụng giáo viên, nhằm từng bước khắc phục tình trạng thiếu giáo viên hiện nay, ưu tiên biên chế để tuyển dụng giáo viên cho những môn học mới ở các cấp học.

IV. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm

- Trong vòng 5 năm qua, với sự quan tâm, chỉ đạo sâu sát của các cấp ủy đảng, chính quyền địa phương, sự phối hợp của các ban, ngành, đoàn thể, ngành Giáo dục đã từng bước khắc phục khó khăn, phấn đấu vươn lên đạt nhiều thành tựu đáng kể. Quy mô giáo dục phát triển và ổn định, mạng lưới cơ sở giáo dục được bố trí tương đối hợp lý. Chất lượng giáo dục có nhiều chuyển biến, rõ nét nhất chính là sự chuyển biến từ nền giáo dục tập trung trang bị kiến thức, sang tập trung dạy học, phát hiện năng lực và phẩm chất của học sinh, song song với việc nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, chất lượng giáo dục mũi nhọn được quan tâm đúng mức. Công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập ngày càng được quan tâm, mục tiêu phổ cập giáo dục được duy trì, tăng cường bền vững, góp phần đáng đáp ứng nhu cầu nhân lực có chất lượng cho địa phương.

- Phương pháp dạy học tiếp tục đổi mới theo hướng phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của học sinh; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy; đổi mới công tác kiểm tra, đánh giá học sinh; đổi mới công tác tuyển sinh và thi tốt nghiệp; tăng cường các hoạt động trải nghiệm sáng tạo khoa học, hoạt động ngoại khóa, ngoài giờ lên lớp; chú trọng công tác giáo dục lý tưởng, đạo đức, lối sống cho học sinh

- Đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục phát triển mạnh cả về số lượng, cơ cấu và trình độ, có phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống tốt, trách nhiệm cao trong giảng dạy cơ bản đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục trong giai đoạn hiện nay và đổi mới nội dung chương trình giáo dục phổ thông, sách giáo khoa sắp tới. Công tác quản lý giáo dục và đào tạo không ngừng được đổi mới theo hướng phân cấp và phát huy tính chủ động của các cơ sở giáo dục.

- Cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học được đầu tư theo hướng chuẩn quốc gia, các điều kiện bảo đảm dạy và học ngày càng tốt hơn. Các nguồn lực đầu tư cho giáo dục được tăng cường, cùng với nguồn lực nhà nước, nguồn lực xã hội hóa được ưu tiên cho giáo dục vùng nông thôn, vùng khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Những cố gắng, nỗ lực nêu trên, trong vòng 5 năm, Giáo dục Đắk Nông đã 2 lần được Bộ GDĐT tặng cờ thi đua. Đó là thành quả lớn lao đối với một tỉnh nghèo mới thành lập, góp phần phát triển kinh tế, xã hội tỉnh nhà và nâng cao vị thế Giáo dục Đắk Nông trong khu vực.

2. Tồn tại, hạn chế

Mặc dù đã có rất nhiều cố gắng, nỗ lực và đã có được một số thành tựu nhất định, song đến thời điểm hiện tại ngành Giáo dục vẫn đang gặp phải những tồn tại, hạn chế như sau:

- Hiện tình chưa có trường mầm non chất lượng cao; một số trường mầm non xây dựng từ lâu nên không đáp ứng tiêu chuẩn quy chuẩn hiện nay; trang thiết bị, đồ chơi của các trường công lập đã hư hỏng ít được thay thế. Mặc dù tỉ lệ trẻ nhà trẻ đến trường còn thấp, chỉ đạt 11,4% nhưng vẫn còn tình trạng quá tải ở các trường công lập.

- Việc huy động và duy trì sĩ số học sinh dân tộc thiểu số còn nhiều khó khăn; tỷ lệ chuyên cần của học sinh dân tộc thiểu số chưa đảm bảo; tỷ lệ bỏ học của học sinh DTTS khá cao, nhất là học sinh dân tộc thiểu số cấp THCS. Chất lượng giáo dục của học sinh dân tộc thiểu số so với mặt bằng chung học sinh trong toàn tỉnh còn khiêm tốn. Kết quả phân luồng học sinh sau THCS vào học trung học chuyên nghiệp, học nghề còn thấp.

- Công tác giáo dục kỹ năng sống cho học sinh còn lúng túng vì chưa có chương trình cụ thể. Việc giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức lối sống cho đối tượng là thanh thiếu niên, nhi đồng trong xu thế hội nhập còn có những thách thức nhất định. Nội dung giáo dục ở một số cơ sở giáo dục chưa sâu sắc, chưa hấp dẫn, lôi cuốn học sinh tham gia. Một số thanh thiếu niên còn thờ ơ, xa rời với những giá trị đạo đức tốt đẹp của dân tộc.

- Một số địa phương chưa quan tâm đến công tác chống mù chữ cho người lớn; công tác xây dựng xã hội học tập phát triển chưa đồng đều; công tác tổ chức, quản lý tại các trung tâm học tập cộng đồng ở một số địa phương còn nhiều bất cập; đội ngũ cán bộ quản lý thường xuyên thay đổi, nên trong công tác quản lý, điều hành còn nhiều lúng túng; nội dung một số chuyên đề chưa đáp ứng nhu cầu người học; việc đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học ở một số trung tâm còn hạn chế, hoạt động mang tính hình thức.

- Việc thực hiện các Đề án theo Kế hoạch số 386/KH-UBND ngày 24/7/2018 của UBND tỉnh về sắp xếp lại, nâng cao hiệu quả hoạt động các đơn vị sự nghiệp công lập, ngành giáo dục còn gặp nhiều khó khăn trong việc bố trí phòng học, trang thiết bị phục vụ dạy học, bố trí, sắp xếp đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục; hiện nay, cơ cấu giáo viên ở từng môn học chưa hợp lý, có nơi thừa, có nơi thiếu giáo viên, việc xây dựng kế hoạch điều chuyển giáo viên từ trường thừa sang trường thiếu giáo viên đòi hỏi phải có thời gian nhất định. Mặt khác, trong những năm tới khi triển khai chương trình Giáo dục phổ thông mới, dự báo sẽ có biến động về cơ cấu giáo viên theo từng môn học ở từng trường và từng cấp học.

3. Bài học kinh nghiệm

Qua 5 năm triển khai thực hiện Nghị quyết số 22/2015/NQ-HĐND và các văn bản của trung ương, địa phương, ngành Giáo dục rút ra một số bài học kinh nghiệm làm tiền đề cho việc tham mưu phát triển giáo dục địa phương trong thời gian tới:

1-Ngành đã bám sát các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, của địa phương để phát triển sự nghiệp giáo dục và đào tạo. Sự quan tâm chỉ đạo quyết liệt, thường xuyên của các cấp ủy, chính quyền. Sự phối hợp đồng bộ, chặt chẽ của các cơ, đơn vị liên quan; sự chia sẻ, ủng hộ, đồng lòng của nhân dân.

2-Ngành Giáo dục đã chủ động, nỗ lực tham mưu Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh các chính sách phát triển giáo dục, đào tạo phù hợp với tình hình của địa phương. Sự vào cuộc của cả đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, luôn tận tụy, trách nhiệm trong việc thực hiện nhiệm vụ chính trị của ngành.

3-Sử dụng cân đối các nguồn lực để phát triển sự nghiệp giáo dục, đào tạo có sự ưu tiên đầu tư theo từng thời điểm. Xây dựng và triển khai chiến lược phát triển giáo dục, đào tạo đảm bảo khả thi, hiệu quả.

4-Phát huy cao nhất nội lực của ngành, tạo mọi điều kiện để phát triển giáo dục và đào tạo. Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên đủ về số lượng, đồng bộ về cơ cấu, đạt chuẩn về trình độ, phát huy vai trò nòng cốt trong sự phát triển giáo dục và đào tạo. Cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học được đầu tư theo hướng chuẩn hóa, các điều kiện đảm bảo dạy học ngày càng tốt hơn.

V. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO GIAI ĐOẠN 2021-2025

1. Quan điểm xây dựng Kế hoạch

- Phải đổi mới toàn diện và đồng bộ, tạo động lực mạnh mẽ, huy động cao nhất mọi nguồn lực và phát huy sức mạnh tổng hợp để xây dựng, phát triển giáo dục và đào tạo. Trong quá trình phát triển cần kế thừa, phát huy những thành tựu, phát triển những nhân tố mới; phải bảo đảm tính hệ thống, tầm nhìn dài hạn; các giải pháp phải đồng bộ, khả thi, có trọng tâm, trọng điểm, lộ trình, bước đi phù hợp.

- Phát huy cao nhất nội lực của ngành, tạo mọi điều kiện để phát triển giáo dục và đào tạo.

- Phát triển giáo dục và đào tạo phải gắn với nhu cầu phát triển kinh tế, xã hội và bảo vệ Tổ quốc.

- Ưu tiên đầu tư phát triển giáo dục và đào tạo đối với các vùng đặc biệt khó khăn, vùng dân tộc thiểu số, biên giới, vùng sâu, vùng xa và các đối tượng chính sách. Thực hiện dân chủ hóa, xã hội hóa giáo dục và đào tạo.

2. Căn cứ xây dựng Kế hoạch

- Các văn bản của Trung ương, của địa phương về phát triển giáo dục và đào tạo: Nghị quyết số 88/2014/QH14 ngày 28/11/2014 về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông; Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Hội nghị lần thứ 8, Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về “Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”; Kết luận số 51-KL/TW ngày 30/5/2019 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế; Chương trình hành động số 32-CTr/TU ngày 19/11/2014 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; Kế hoạch số 03/KH-UBND ngày 05/01/2015; Kế hoạch số 588/KH-UBND ngày 27/11/2019 về đổi mới

căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế; Kế hoạch số 255/KH-UBND ngày về kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông mới trên địa bàn tỉnh Đắk Nông và các chương trình, nghị quyết, đề án, kế hoạch khác.

- Mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025 của cả nước, của tỉnh.

- Tình hình và kết quả thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020.

3. Mục tiêu Kế hoạch

3.1. Mục tiêu chung

Đảm bảo thực hiện đạt được các mục tiêu tổng quát mà Nghị quyết số 29-NQ/TW đề ra. Cụ thể từ nay đến năm 2025:

- Tạo chuyển biến căn bản, mạnh mẽ về chất lượng, hiệu quả giáo dục và đào tạo, đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu học tập của nhân dân, phục vụ nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh, quốc phòng trong tỉnh. Giáo dục học sinh, sinh viên phát triển toàn diện và phát huy tốt nhất tiềm năng, khả năng sáng tạo của mỗi cá nhân; yêu gia đình, yêu Tổ quốc, yêu đồng bào; sống tốt và làm việc hiệu quả.

- Triển khai xây dựng nền giáo dục mở, thực học, thực nghiệp, dạy tốt, học tốt, quản lý tốt; có cơ cấu và phương thức giáo dục hợp lý, gắn với xây dựng xã hội học tập; bảo đảm các điều kiện nâng cao chất lượng, chuẩn hóa, hiện đại hóa, dân chủ hóa, xã hội hóa; giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa và bản sắc dân tộc.

- Phân đầu giáo dục và đào tạo tỉnh Đắk Nông đạt trình độ ngang bằng trong khu vực.

3.2. Mục tiêu cụ thể

a) Đối với giáo dục mầm non:

- Về tỷ lệ huy động: Phát triển mạng lưới trường lớp mầm non bảo đảm đến năm 2025, huy động được ít nhất 17% trẻ em trong độ tuổi nhà trẻ, 88% trẻ em trong độ tuổi mẫu giáo được đến trường. Tỷ lệ huy động trẻ em trong các cơ sở giáo dục mầm non ngoài công lập chiếm từ 27% trở lên.

- Về chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ: Phân đầu đến năm 2025, có 99% nhóm, lớp mầm non trở lên được học 2 buổi/ngày; duy trì tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng thể nhẹ cân giảm trung bình 0,3%/năm, tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng thể thấp còi giảm trung bình 0,2%/năm, tỷ lệ trẻ em thừa cân, béo phì được khống chế.

- Về đội ngũ giáo viên: Phân đầu đến năm 2025, đủ số lượng giáo viên mầm non theo quy định, 75% giáo viên mầm non đạt trình độ đào tạo từ cao đẳng sư phạm mầm non trở lên, 80% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp mức độ khá trở lên.

- Về cơ sở vật chất: Phân đầu đến 2025, tỷ lệ phòng học kiên cố và bán kiên cố trên 48%, không có phòng học nhờ, mượn; có ít nhất 35% trường mầm non đạt

chuẩn quốc gia; có ít nhất 40% số trường mầm non được công nhận đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục.

- Số trường chuẩn quốc gia: Phân đấu mỗi năm công nhận mới thêm 02 trường đạt chuẩn quốc gia.

b) Đối với giáo dục phổ thông:

- Triển khai thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 theo đúng lộ trình.

- Phân đấu đến năm 2025:

+ Tỷ lệ huy động trẻ 6 tuổi vào lớp 1 đạt 100%.

+ Tỷ lệ trẻ hoàn thành chương trình tiểu học đạt 99.8%.

+ Tỷ lệ lưu ban bỏ học ở cấp tiểu học dưới 0,2%.

- Hằng năm tỷ lệ học sinh trong độ tuổi đến trường đối với cấp THCS đạt 88% trở lên và cấp THPT đạt 70% trở lên.

- Hằng năm thực hiện kiểm định đánh giá ngoài từ 8% đến 12% số trường ở mỗi cấp học.

- Số trường chuẩn quốc gia: Phân đấu mỗi năm công nhận mới thêm 08 trường đạt chuẩn quốc gia.

c) Đối với giáo dục thường xuyên:

- Công tác phổ cập giáo dục, xóa mù chữ:

+ Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi: Có 100% số huyện, thành phố được công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi.

+ Phổ cập giáo dục tiểu học: Phân đấu trên 25% số huyện, thành phố được công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3.

+ Phổ cập giáo dục trung học cơ sở: Phân đấu trên 25% số huyện, thành phố đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở mức độ 2.

+ Xóa mù chữ: Phân đấu trên 75% số huyện, thành phố được công nhận chuẩn xóa mù chữ mức độ 2.

- Trung tâm học tập cộng đồng: 100% được trang bị đầy đủ cơ sở vật chất, trang thiết bị đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ; 100% được cấp kinh phí hoạt động đầy đủ kịp thời theo quyết định của UBND tỉnh; 100% đảm bảo đầy đủ tổ chức bộ máy, biệt phái giáo viên đúng quy định.

- Trung tâm Giáo dục thường xuyên: Tiếp tục đáp ứng được nhu cầu học tập của nhân dân.

4. Nhiệm vụ, giải pháp trong giai đoạn tới

4.1. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo, sự phối hợp chặt chẽ, hiệu quả và đồng bộ trong việc thực hiện nhiệm vụ

- Tiếp tục quán triệt sâu sắc các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, xác định đây là nhiệm vụ chính trị quan trọng của cả ngành, cần quyết liệt, kiên trì thực hiện.

- Kịp thời thể chế hoá các quan điểm, chủ trương của Đảng về phát triển giáo dục và đào tạo; có bước đi thận trọng, chắc chắn trong quá trình tổ chức thực hiện.

- Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác truyền thông nhằm tạo sự đồng thuận, tin tưởng của xã hội đối với sự nghiệp đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, trước hết là việc đổi mới chương trình và sách giáo khoa phổ thông.

4.2. Đẩy mạnh công tác giáo dục lý tưởng cách mạng, chú trọng giáo dục nhân cách, đạo đức, lối sống, kiến thức pháp luật và ý thức công dân trong hệ thống giáo dục quốc dân

- Tiếp tục triển khai thực hiện tốt Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị khoá XII về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh trong hệ thống giáo dục quốc dân.

- Giáo dục cho học sinh phát triển toàn diện và phát huy tốt nhất tiềm năng, khả năng sáng tạo của mỗi cá nhân, trau dồi lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống trong học sinh. Chú trọng xây dựng môi trường văn hoá học đường ngày càng tốt đẹp, thực hiện tốt công tác xây dựng Đảng, phát huy vai trò của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh trong việc giáo dục, rèn luyện học sinh.

4.3. Nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực; củng cố và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục, xoá mù chữ và phân luồng học sinh sau trung học cơ sở; tiếp tục hoàn thiện hệ thống giáo dục quốc dân theo hướng mở; xây dựng xã hội học tập

- Tiếp tục xây dựng đội ngũ nhà giáo đủ về số lượng, đồng bộ về cơ cấu, 100% giáo viên các cấp học có trình độ đào tạo đạt chuẩn và trên chuẩn. Khuyến khích giáo viên, nhất là đội ngũ giáo viên trường THPT chuyên theo học các lớp bồi dưỡng trên chuẩn theo quy định để nâng cao chất lượng dạy học và đào tạo nguồn nhân lực. Triển khai thực hiện hiệu quả Kế hoạch số 35/KH-SGDĐT ngày 13/4/2020 về kế hoạch phát hiện, bồi dưỡng tài năng trẻ từ học sinh.

- Đa dạng hoá các loại hình đào tạo, phát triển các cơ sở giáo dục ngoài công lập phù hợp với xu thế phát triển của địa phương.

- Duy trì, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục, xoá mù chữ, nhất là phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, tiến tới phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ dưới 5 tuổi. Thực hiện tốt chủ trương giáo dục hướng nghiệp và phân luồng học sinh sau THCS.

- Thực hiện triển khai tốt công tác phân luồng học sinh sau THCS, THPT theo Kế hoạch thực hiện Đề án Giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông giai đoạn 2018-2025 trên địa bàn tỉnh (theo Quyết định 1094/QĐ-UBND ngày 17/7/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh).

- Tuyên truyền, vận động và tổ chức tốt việc học tập suốt đời cho người lớn. Chú trọng bồi dưỡng kiến thức tin học, ngoại ngữ cho cán bộ, công chức, viên chức toàn ngành phù hợp với từng vùng, miền.

4.4. Nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; bảo đảm các điều kiện cơ bản để thực hiện tốt chương trình giáo dục phổ thông và sách giáo khoa mới

- Phát triển, nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, bảo đảm đủ giáo viên cho từng cấp học, môn học. Triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch số 255/KH-UBND ngày 17/5/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về Kế hoạch triển khai thực hiện chương trình giáo dục phổ thông mới.

- Tổ chức biên soạn chương trình giáo dục địa phương và triển khai sách giáo khoa giáo dục phổ thông mới, bảo đảm công khai, minh bạch, khoa học, liên thông, thống nhất giữa các môn học, cấp học.

- Tích cực, chủ động tham mưu UBND tỉnh ưu tiên nguồn tài chính cho giáo dục, bảo đảm đủ kinh phí đào tạo, bồi dưỡng giáo viên, đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học phục vụ tốt việc triển khai chương trình và sách giáo khoa mới. Tăng cường đầu tư, phát triển nhanh trường, lớp học cho cấp học mầm non; bảo đảm đủ trường, lớp cho học sinh học 2 buổi/ngày, nhất là ở vùng khó khăn, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, trước hết tập trung cho giáo dục mầm non, tiểu học. Tăng cường sử dụng phương tiện, phương pháp dạy học hiện đại.

4.5. Tiếp tục đổi mới công tác quản lý; đẩy mạnh công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát, ngăn chặn, xử lý nghiêm những tiêu cực trong hoạt động giáo dục, đào tạo

- Đổi mới mạnh mẽ công tác quản lý, coi trọng quản lý chất lượng, gắn trách nhiệm quản lý chuyên môn với quản lý nhân sự và quản lý tài chính. Đẩy mạnh cải cách hành chính, tăng cường phân cấp, phân quyền, đặc biệt chú trọng công tác quản trị nội bộ, phát huy vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu trong các cơ sở giáo dục và đào tạo.

- Tham mưu UBND tỉnh tiếp tục đổi mới cơ chế, chính sách tài chính nhằm nâng cao hiệu quả, hiệu lực đầu tư. Đẩy mạnh xã hội hoá, xây dựng cơ chế thuận lợi, minh bạch để khuyến khích các doanh nghiệp, xã hội và thu hút nguồn lực đầu tư phát triển giáo dục và đào tạo, nhất là phát triển giáo dục và đào tạo chất lượng cao.

- Tăng cường kiểm tra, thanh tra, giám sát của cơ quan quản lý giáo dục đối với hoạt động giáo dục, đào tạo. Ngăn chặn, xử lý nghiêm những tiêu cực trong việc thi, kiểm tra, đánh giá, kiểm định chất lượng giáo dục và đào tạo, bảo đảm đúng thực chất, công bằng.

4.6. Đẩy mạnh và nâng cao chất lượng, hiệu quả nghiên cứu khoa học trong các cơ sở giáo dục và đào tạo

- Nâng cao hiệu quả đối với công tác nghiên cứu khoa học trong các cơ sở giáo dục. Thúc đẩy, khuyến khích nghiên cứu khoa học, khởi nghiệp sáng tạo trong học sinh.

- Khuyến khích, hỗ trợ học sinh nghiên cứu khoa học, sáng tạo khoa học kỹ thuật, khuyến khích, hỗ trợ giáo viên, cán bộ quản lý đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và giảng dạy.

VI. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

Để thực hiện thành công mục tiêu phát triển giáo dục và đào tạo trong giai đoạn 2021-2025, Sở Giáo dục và Đào tạo kiến nghị:

1. Đối với UBND tỉnh

- Ưu tiên bố trí nguồn vốn từ các chương trình mục tiêu quốc gia trong việc đầu tư cơ sở vật chất trường lớp. Bố trí ngân sách để hoàn thiện hệ thống sân chơi, bãi tập, hồ bơi và các trang thiết bị phục vụ cho trẻ em, học sinh vui chơi, giải trí tại các cơ sở giáo dục.

- Chỉ đạo các địa phương xem xét quyết định bố trí giáo viên trường tiểu học hoặc trường trung học cơ sở làm việc tại TTHTCĐ theo quy định tại Thông tư số 40/2010/TT-BGDĐT ngày 30/12/2010 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Không cắt giảm cơ học biên chế sự nghiệp giáo dục theo lộ trình đến năm 2021 vì hiện tại biên chế giáo viên đang thiếu so với định mức quy định tại Thông tư liên tịch số 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16/3/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Nội vụ quy định về danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập và Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12/7/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập.

- Xây dựng một số chính sách riêng của tỉnh và các huyện, thành phố phù hợp với điều kiện đặc thù của địa phương và đúng theo quy định pháp luật hiện hành để phát triển giáo dục mầm non đảm bảo mục tiêu đề ra, nhất là trong việc chuyển đổi một số cơ sở giáo dục mầm non công lập ra ngoài công lập.

- Khuyến khích thực hiện cơ chế đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP) để phát triển cơ sở vật chất cho giáo dục, đặc biệt là giáo dục mầm non; xây dựng cơ sở vật chất cho thuê với mức phí ưu đãi hoặc cho mượn, khuyến khích các tổ chức cá nhân thành lập các cơ sở giáo dục mầm non ngoài công lập; tạo điều kiện thuận lợi trong chuyển đổi mục đích sử dụng đất; các huyện, thành phố xây dựng lộ trình chuyển đổi loại hình cơ sở giáo dục mầm non công lập ra ngoài ngoài công lập ở những nơi có điều kiện.

2. Đối với Chính phủ

- Đề đáp ứng Chương trình giáo dục phổ thông mới và đáp ứng quy mô gia tăng số học sinh do tăng dân số của tỉnh Đắk Nông trong thời gian tới, kiến nghị Chính phủ chỉ đạo Bộ Nội vụ không cắt giảm cơ học biên chế sự nghiệp giáo dục,

đồng thời bổ sung thêm biên chế, nhất là giáo viên cấp mầm non và tiểu học đối với tỉnh Đắk Nông có địa hình chia cắt, có đường biên giới dài 130km để phù hợp với điều kiện tự nhiên của tỉnh.

- Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học cho tỉnh Đắk Nông, đặc biệt là cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học phục vụ chương trình sách giáo khoa giáo dục phổ thông mới.

Trên đây là báo cáo đánh giá tình hình kinh tế-xã hội 5 năm giai đoạn 2016-2020 và xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội giai đoạn 2021-2025 lĩnh vực giáo dục và đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo xin kính gửi đề Sở Kế hoạch và Đầu tư biết, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (b/cáo);
- Sở KH-ĐT h(b/cáo);
- Lãnh đạo Sở (c/đạo);
- Các phòng thuộc Sở;
- Website Sở;
- Lưu: VT, VP.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Trần Sĩ Thành